CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

FireAnt

CTCP Victory Capital

Ngày 15/01/2024	3,990 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.7%	**0.8%**	**-7.2%**

DT thuần
Q4/23
6.55
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.20| 95.6%
YoY: ▼4.05| -38.2%

LN thuần
Q4/23
3.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.57| 1785%
YoY: ▲ 75.7| 105%

LN sau thuế
Q4/23
4.15
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.80| 1084%
YoY: ▲ 73.0| 106%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
11.5%
YoY: +/-▲ 200%

ROE
2023
0.5%
YoY: +/-▲ 18.8%

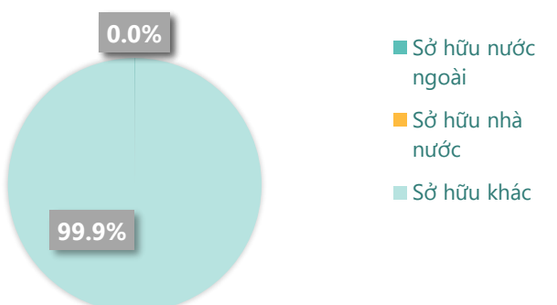
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	3,290 - 6,470
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	394
Số lượng CPLH (CP)	98,865,080
KLGD BQ 20 phiên (CP)	201,460
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	1.45
EPS	23
P/E	179.1

DT thuần
2023
20.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼41.6| -67.4%

LN thuần
2023
2.15
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 124| 102%

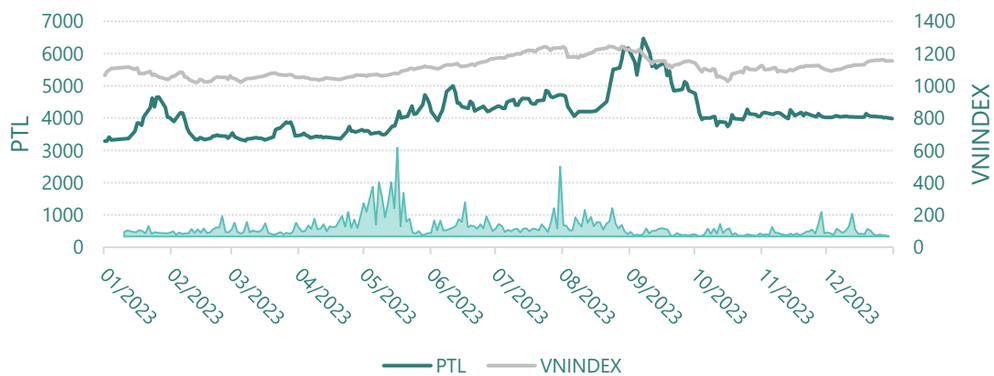
LN sau thuế
2023
2.15
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 119| 102%

Cơ cấu sở hữu

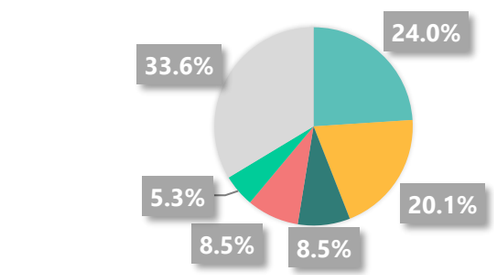


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

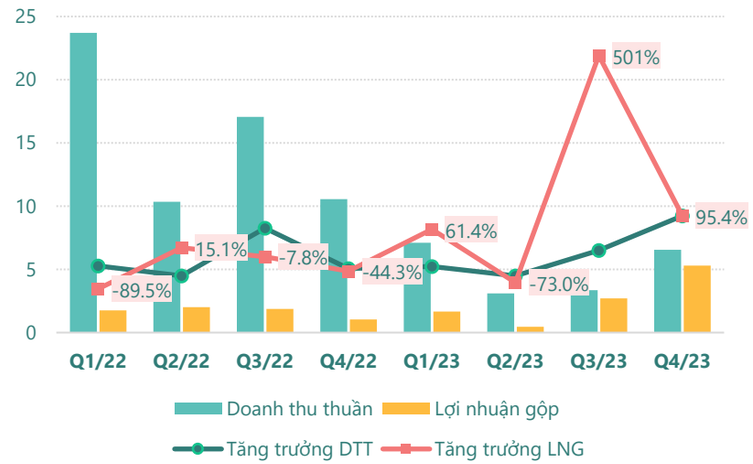


- Đỗ Thị Hiền
- Nguyễn Văn Vinh
- Lê Thị Tư
- Lê Văn Thăng
- CTCP Dịch vụ và Đầu tư Bất động sản Ngôi Sao Phương Nam

(Nguồn: fireant.vn)

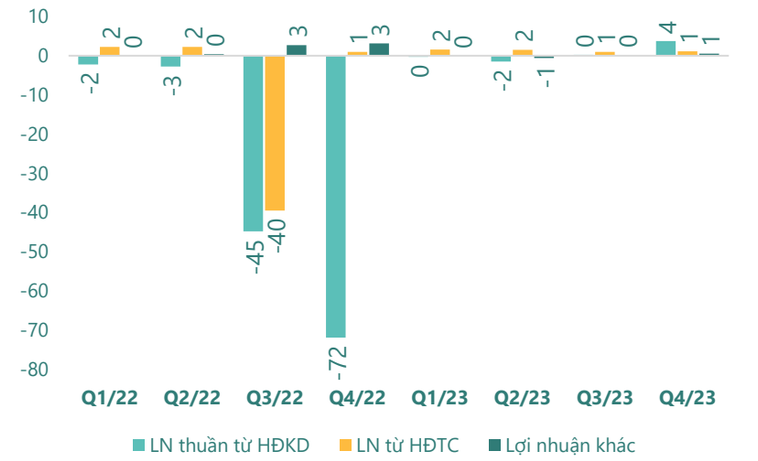
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



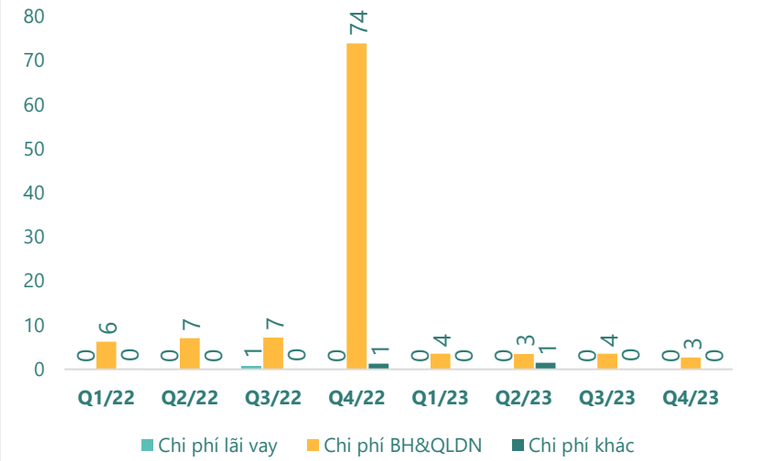
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



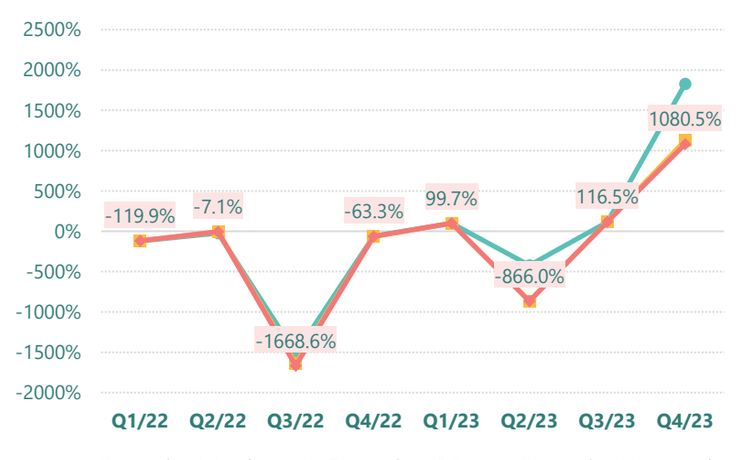
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



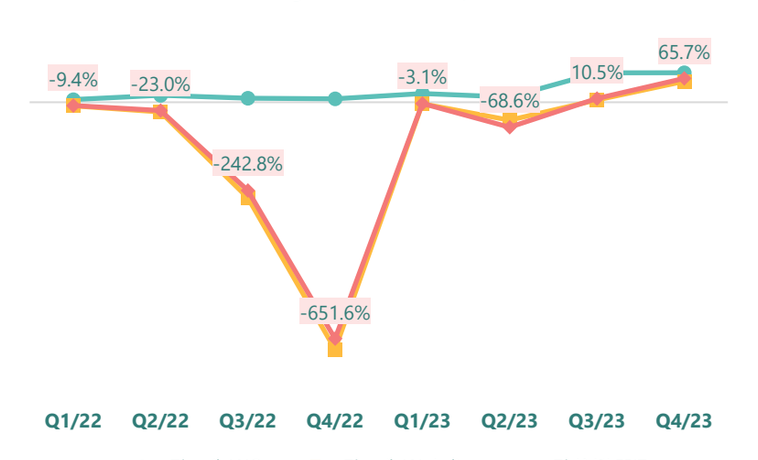
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



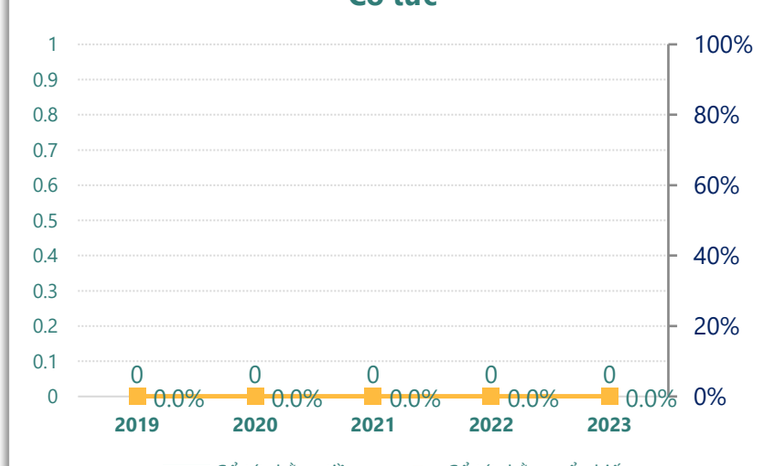
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

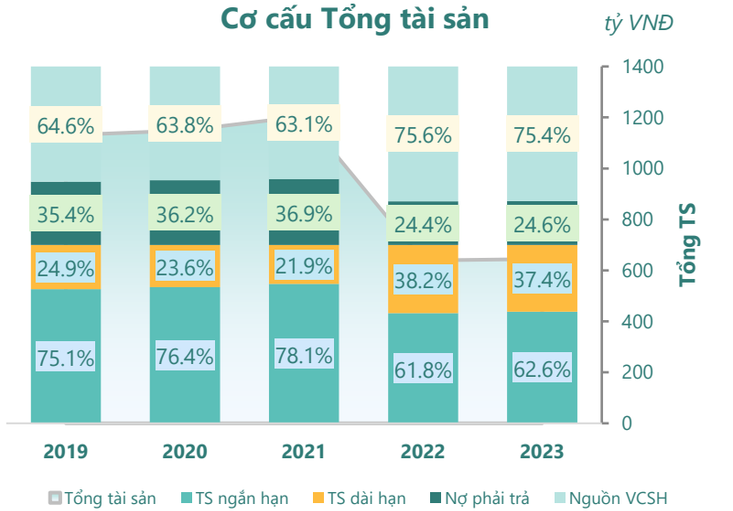
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

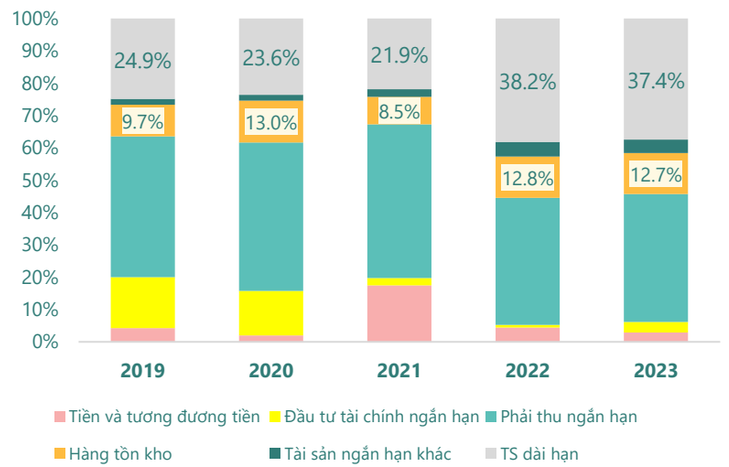
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



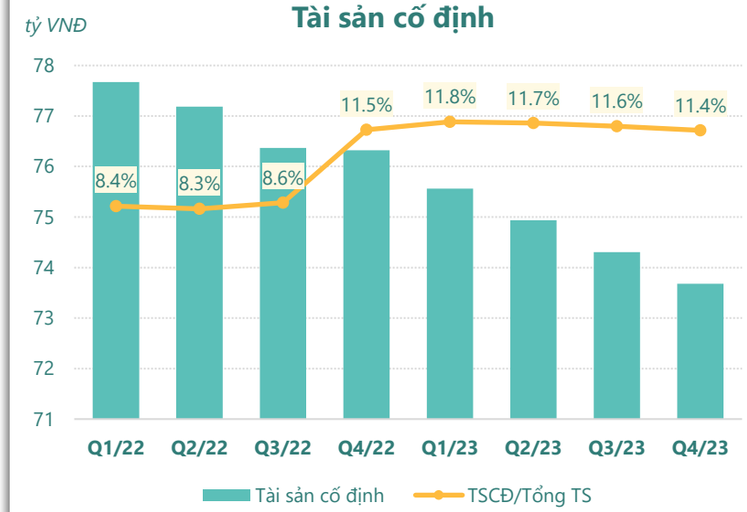
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



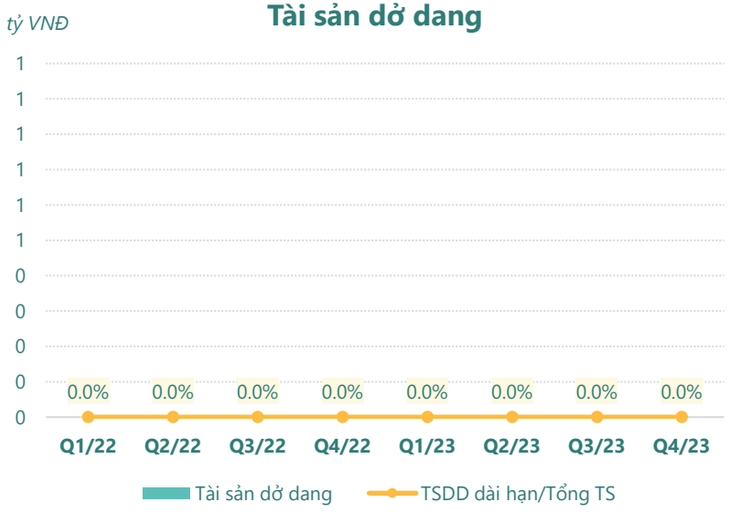
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



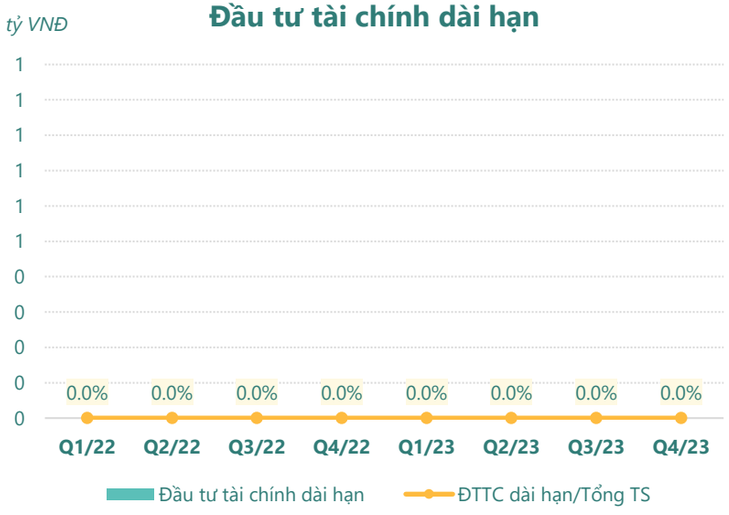
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



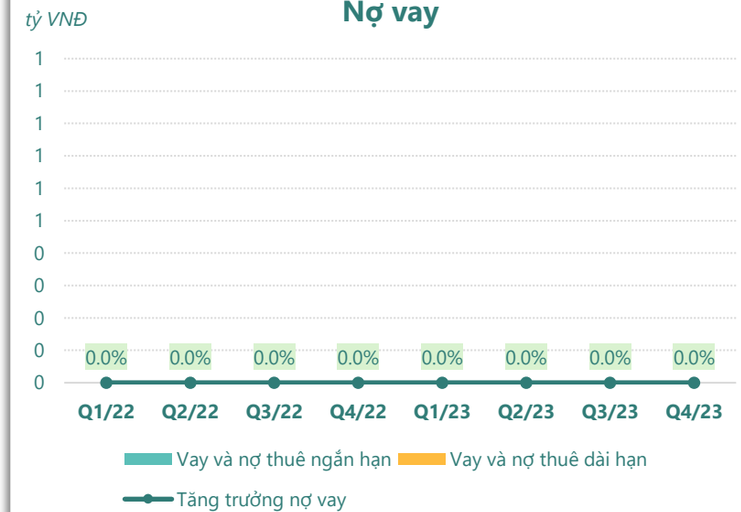
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

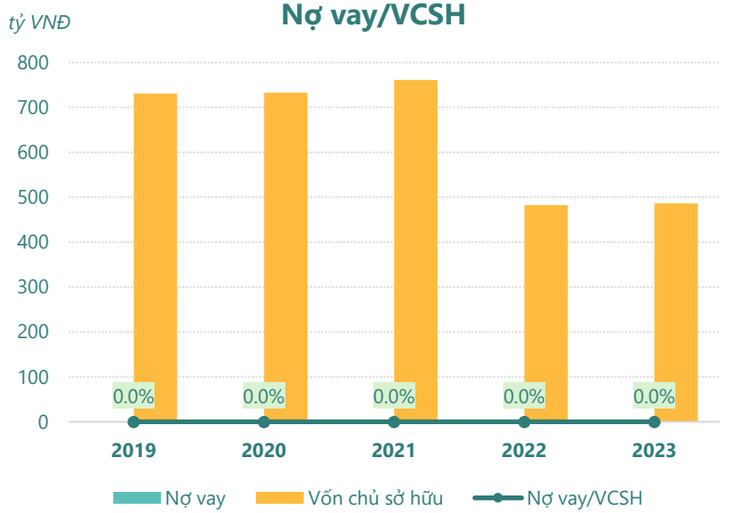
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

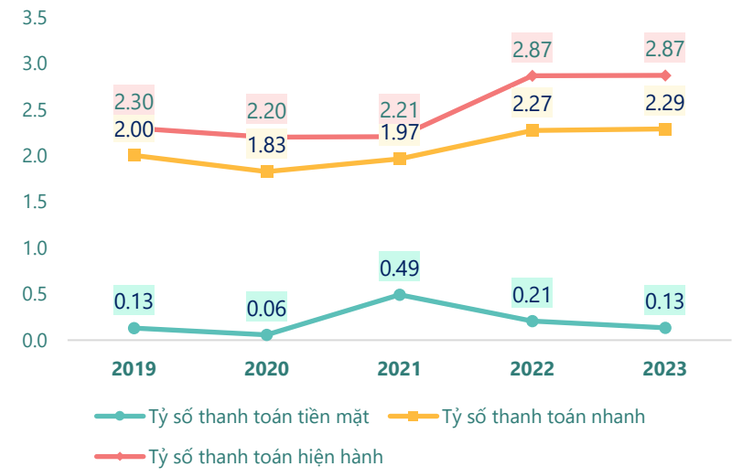
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



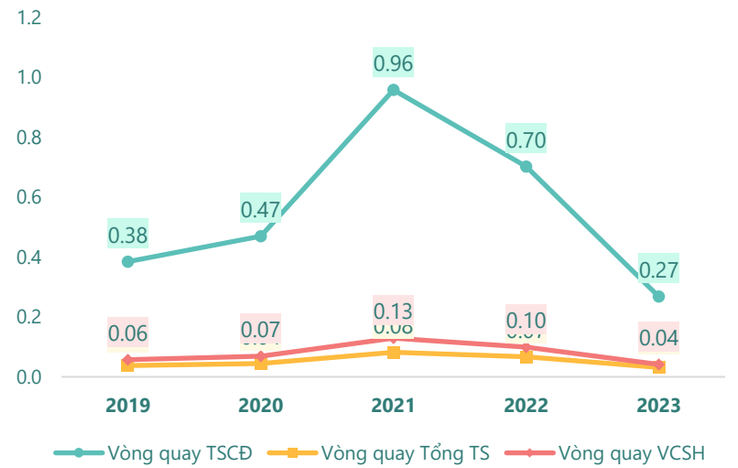
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



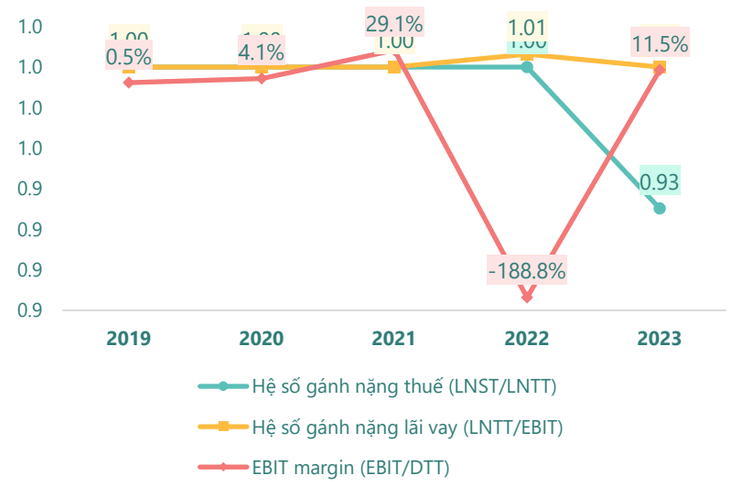
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



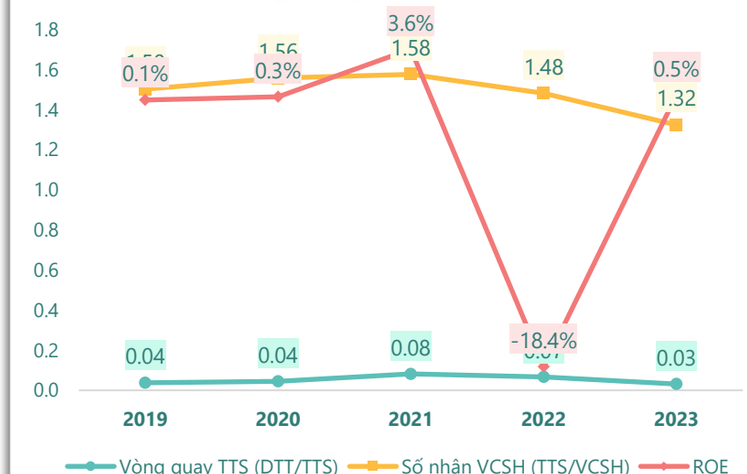
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



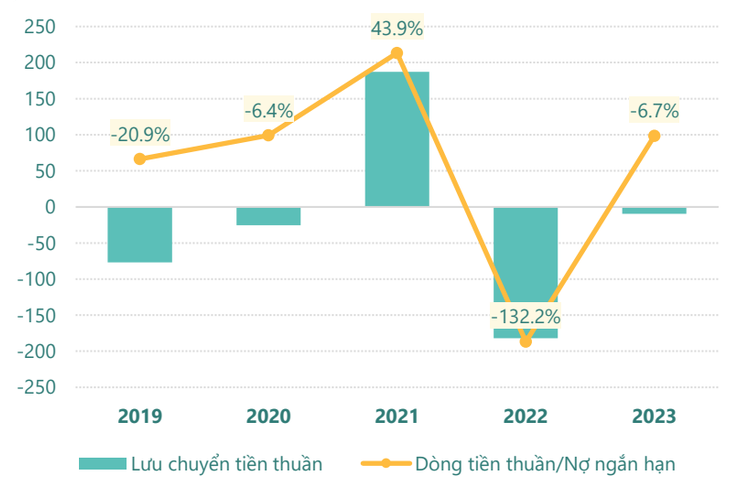
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6.55**	**10.6**	**-38.2%**	**20.1**	**61.7**	**-67.4%**
Giá vốn hàng bán	1.25	9.52	-86.9%	9.95	55.0	-81.9%
Lợi nhuận gộp	5.30	1.04	410%	10.1	6.68	51.9%
Doanh thu HĐTC	1.14	0.95	20.5%	5.20	5.38	-3.4%
Chi phí TC	0.00	0.00		0.00	39.2	-100.0%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0.74	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.06	0.09	-35.3%	0.35	0.54	-35.0%
Chi phí QLDN	**2.62**	**73.8**	**-96.4%**	**12.8**	**94.1**	**-86.4%**
LN thuần từ HĐKD	3.77	-71.9	105%	2.15	-122	102%
Lợi nhuận khác	**0.54**	**3.12**	**-82.8%**	**0.17**	**4.67**	**-96.4%**
LN trước thuế	4.31	-68.8	106%	2.31	-117	102%
Lợi nhuận sau thuế	**4.15**	**-68.8**	**106%**	**2.15**	**-117**	**102%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.03**	**-68.6**	**106%**	**2.23**	**-114**	**102%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-109	-69.8	3.69	-4.10	1.86	4.34
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	156	-23.2	1.62	6.14	-20.6	-2.34
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-0.01	0	0
Tiền đầu kỳ	74.2	121	28.3	33.6	35.7	16.9
Lưu chuyển tiền thuần	**47.2**	**-93.1**	**5.31**	**2.03**	**-18.7**	**2.00**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	121	28.3	33.6	35.7	16.9	18.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**645**	**639**	**1.0%**
Tài sản ngắn hạn	404	395	2.3%
Tiền và tương đương tiền	18.9	28.3	-33.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.5	5.00	310%
Phải thu ngắn hạn	255	251	1.8%
Hàng tồn kho	81.6	81.6	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	27.0	28.8	-6.2%
Tài sản dài hạn	**241**	**244**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	82.6	79.9	3.4%
Tài sản cố định	73.7	76.3	-3.5%
Bất động sản đầu tư	84.9	87.5	-2.9%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.09**	**0.24**	**-61.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	158	156	1.7%
Nợ ngắn hạn	**141**	**138**	**2.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	18.2	16.4	10.6%
Nợ dài hạn	17.9	18.2	-1.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**486**	**483**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**486**	**483**	**0.8%**
Vốn điều lệ	1,000	1,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)